



U nity - E xcellence - L eadership
Thống nhất - Vượt trội - Tiên phong

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN NĂM 2022

Phương thức 3

Xét tuyển dựa trên
kết quả thi tốt nghiệp THPT

STT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn
1	7310101_401	Kinh tế (Kinh tế học)	26.15
2	7310101_401C	Kinh tế (Kinh tế học) Chất lượng cao	25.45
3	7310101_403	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công)	25.70
4	7310101_403C	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công) Chất lượng cao	25.40
5	7310106_402	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại)	26.90
6	7310106_402C	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) Chất lượng cao	26.30
7	7310106_402CA	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	25.75
8	7310108_413	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính)	25.50
9	7310108_413C	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) Chất lượng cao	25.05
10	7310108_413CA	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	24.00
11	7340101_407	Quản trị kinh doanh	26.55
12	7340101_407C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	25.85
13	7340101_407CA	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao bằng tiếng Anh	24.75
14	7340101_415	Quản trị kinh doanh (Quản trị du lịch và lữ hành)	25.15
15	7340115_410	Marketing	27.35
16	7340115_410C	Marketing Chất lượng cao	26.85
17	7340115_410CA	Marketing Chất lượng cao bằng tiếng Anh	26.30
18	7340120_408	Kinh doanh quốc tế	27.15
19	7340120_408C	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao	26.85
20	7340120_408CA	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao bằng tiếng Anh	25.95
21	7340122_411	Thương mại điện tử	27.55
22	7340122_411C	Thương mại điện tử Chất lượng cao	26.75
23	7340122_411CA	Thương mại điện tử Chất lượng cao bằng tiếng Anh	25.95
24	7340201_404	Tài chính - Ngân hàng	26.05
25	7340201_404C	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao	25.80
26	7340201_404CA	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao bằng tiếng Anh	24.65
27	7340205_414	Công nghệ tài chính	26.65
28	7340205_414C	Công nghệ tài chính Chất lượng cao	26.10
29	7340301_405	Kế toán	26.20
30	7340301_405C	Kế toán Chất lượng cao	25.85
31	7340301_405CA	Kế toán Chất lượng cao bằng tiếng Anh (Tích hợp chứng chỉ CFAB của Hiệp hội ICAEW)	25.00
32	7340302_409	Kiểm toán	26.60
33	7340302_409C	Kiểm toán Chất lượng cao	26.45
34	7340405_406	Hệ thống thông tin quản lý	26.85
35	7340405_406C	Hệ thống thông tin quản lý Chất lượng cao	26.20
36	7340405_416C	Hệ thống thông tin quản lý (Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo) Chất lượng cao	26.35
37	7380101_503	Luật (Luật dân sự)	25.70
38	7380101_503C	Luật (Luật dân sự) Chất lượng cao	25.30
39	7380101_503CA	Luật (Luật dân sự) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	25.00
40	7380101_504	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng)	25.80
41	7380101_504C	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) Chất lượng cao	24.70
42	7380101_504CP	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp	23.40
43	7380101_505	Luật (Luật và Chính sách công)	23.50
44	7380107_501	Luật kinh tế (Luật kinh doanh)	26.70
45	7380107_501C	Luật kinh tế (Luật kinh doanh) Chất lượng cao	26.40
46	7380107_502	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)	26.70
47	7380107_502C	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) Chất lượng cao	26.45
48	7380107_502CA	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	24.65



KẾT QUẢ ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN Năm 2022

Phương thức 4

Xét tuyển dựa trên kết quả
Kỳ thi Đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM

STT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn
1	7310101_401	Kinh tế (Kinh tế học)	842
2	7310101_401C	Kinh tế (Kinh tế học) Chất lượng cao	795
3	7310101_403	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công)	762
4	7310101_403C	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công) Chất lượng cao	717
5	7310106_402	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại)	922
6	7310106_402C	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) Chất lượng cao	861
7	7310106_402CA	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	886
8	7310108_413	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính)	765
9	7310108_413C	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) Chất lượng cao	745
10	7310108_413CA	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	702
11	7340101_407	Quản trị kinh doanh	886
12	7340101_407C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	850
13	7340101_407CA	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao bằng tiếng Anh	825
14	7340101_415	Quản trị kinh doanh (Quản trị du lịch và lữ hành)	775
15	7340115_410	Marketing	917
16	7340115_410C	Marketing Chất lượng cao	881
17	7340115_410CA	Marketing Chất lượng cao bằng tiếng Anh	837
18	7340120_408	Kinh doanh quốc tế	928
19	7340120_408C	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao	890
20	7340120_408CA	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao bằng tiếng Anh	896
21	7340122_411	Thương mại điện tử	900
22	7340122_411C	Thương mại điện tử Chất lượng cao	865
23	7340122_411CA	Thương mại điện tử Chất lượng cao bằng tiếng Anh	821
24	7340201_404	Tài chính - Ngân hàng	846
25	7340201_404C	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao	833
26	7340201_404CA	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao bằng tiếng Anh	808
27	7340208_414	Công nghệ tài chính	775
28	7340208_414C	Công nghệ tài chính Chất lượng cao	765
29	7340301_405	Kế toán	835
30	7340301_405C	Kế toán Chất lượng cao	778
31	7340301_405CA	Kế toán Chất lượng cao bằng tiếng Anh (tích hợp chứng chỉ CFAB của Hiệp hội ICAEW)	738
32	7340302_409	Kiểm toán	891
33	7340302_409C	Kiểm toán Chất lượng cao	838
34	7340405_406	Hệ thống thông tin quản lý	843
35	7340405_406C	Hệ thống thông tin quản lý Chất lượng cao	828
36	7340405_416C	Hệ thống thông tin quản lý (Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo) Chất lượng cao	771
37	7380101_503	Luật (Luật dân sự)	784
38	7380101_503C	Luật (Luật dân sự) Chất lượng cao	762
39	7380101_503CA	Luật (Luật dân sự) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	707
40	7380101_504	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng)	778
41	7380101_504C	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) Chất lượng cao	763
42	7380101_504CP	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp	702
43	7380101_505	Luật (Luật và Chính sách công)	708
44	7380107_501	Luật kinh tế (Luật kinh doanh)	857
45	7380107_501C	Luật kinh tế (Luật kinh doanh) Chất lượng cao	809
46	7380107_502	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)	844
47	7380107_502C	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) Chất lượng cao	831
48	7380107_502CA	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	706



KẾT QUẢ ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN Năm 2022

Phương thức 5

Xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ quốc tế
kết hợp với kết quả học THPT

STT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn CC NN (IELTS)	Điểm chuẩn (Tổng ĐTB Lớp 10,11,12)
1	7310101_401C	Kinh tế (Kinh tế học) Chất lượng cao	5.0	27.0
2	7310101_403C	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công) Chất lượng cao	5.0	23.6
3	7310106_402C	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) Chất lượng cao	5.0	27.8
4	7310106_402CA	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	26.9
5	7310108_413C	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) Chất lượng cao	5.0	26.5
6	7310108_413CA	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	23.2
7	7340101_407C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	5.0	27.0
8	7340101_407CA	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	25.8
9	7340115_410C	Marketing Chất lượng cao	5.0	27.8
10	7340115_410CA	Marketing Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	27.0
11	7340120_408C	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao	5.0	28.1
12	7340120_408CA	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	27.3
13	7340122_411C	Thương mại điện tử Chất lượng cao	5.0	27.6
14	7340122_411CA	Thương mại điện tử Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	26.2
15	7340201_404C	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao	5.0	27.3
16	7340201_404CA	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	25.7
17	7340208_414C	Công nghệ tài chính Chất lượng cao	5.0	26.6
18	7340301_405C	Kế toán Chất lượng cao	5.0	26.5
19	7340301_405CA	Kế toán Chất lượng cao bằng tiếng Anh (tích hợp chứng chỉ CFAB của Hiệp hội ICAEW)	5.5	23.0
20	7340302_409C	Kiểm toán Chất lượng cao	5.0	27.6
21	7340405_406C	Hệ thống thông tin quản lý Chất lượng cao	5.0	27.1
22	7340405_416C	Hệ thống thông tin quản lý (Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo) Chất lượng cao	5.0	26.3
23	7380101_503C	Luật (Luật dân sự) Chất lượng cao	5.0	25.6
24	7380101_503CA	Luật (Luật dân sự) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	23.0
25	7380101_504C	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) Chất lượng cao	5.0	25.6
26	7380101_504CP	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp	5.0	24.8
27	7380107_501C	Luật kinh tế (Luật kinh doanh) Chất lượng cao	5.0	26.6
28	7380107_502C	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) Chất lượng cao	5.0	27.0
29	7380107_502CA	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	5.5	25.5



KẾT QUẢ ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN Năm 2022

Phương thức 2

Ưu tiên xét tuyển theo quy định ĐHQG-HCM

STT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn
1	7310101_401	Kinh tế (Kinh tế học)	84.95
2	7310101_401C	Kinh tế (Kinh tế học) Chất lượng cao	82.22
3	7310101_403	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công)	79.70
4	7310101_403C	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công) Chất lượng cao	73.50
5	7310106_402	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại)	87.89
6	7310106_402C	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) Chất lượng cao	87.15
7	7310106_402CA	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	84.63
8	7310108_413	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính)	80.40
9	7310108_413C	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) Chất lượng cao	75.08
10	7310108_413CA	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	74.00
11	7340101_407	Quản trị kinh doanh	86.21
12	7340101_407C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	85.58
13	7340101_407CA	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao bằng tiếng Anh	80.96
14	7340101_415	Quản trị kinh doanh (Quản trị du lịch và lữ hành)	80.70
15	7340115_410	Marketing	88.00
16	7340115_410C	Marketing Chất lượng cao	86.84
17	7340115_410CA	Marketing Chất lượng cao bằng tiếng Anh	82.74
18	7340120_408	Kinh doanh quốc tế	88.52
19	7340120_408C	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao	87.47
20	7340120_408CA	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao bằng tiếng Anh	85.20
21	7340122_411	Thương mại điện tử	87.05
22	7340122_411C	Thương mại điện tử Chất lượng cao	86.52
23	7340122_411CA	Thương mại điện tử Chất lượng cao bằng tiếng Anh	82.53
24	7340201_404	Tài chính - Ngân hàng	85.37
25	7340201_404C	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao	84.74
26	7340201_404CA	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao bằng tiếng Anh	78.40
27	7340208_414	Công nghệ tài chính	81.27
28	7340208_414C	Công nghệ tài chính Chất lượng cao	80.90
29	7340301_405	Kế toán	84.50
30	7340301_405C	Kế toán Chất lượng cao	81.60
31	7340301_405CA	Kế toán Chất lượng cao bằng tiếng Anh (tích hợp chứng chỉ CFAB của Hiệp hội ICAEW)	72.70
32	7340302_409	Kiểm toán	86.52
33	7340302_409C	Kiểm toán Chất lượng cao	84.70
34	7340405_406	Hệ thống thông tin quản lý	84.30
35	7340405_406C	Hệ thống thông tin quản lý Chất lượng cao	82.95
36	7340405_416C	Hệ thống thông tin quản lý (Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo) Chất lượng cao	81.80
37	7380101_503	Luật (Luật dân sự)	81.06
38	7380101_503C	Luật (Luật dân sự) Chất lượng cao	79.00
39	7380101_503CA	Luật (Luật dân sự) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	72.90
40	7380101_504	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng)	81.27
41	7380101_504C	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) Chất lượng cao	77.80
42	7380101_504CP	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp	77.40
43	7380101_505	Luật (Luật và Chính sách công)	73.80
44	7380107_501	Luật kinh tế (Luật kinh doanh)	84.00
45	7380107_501C	Luật kinh tế (Luật kinh doanh) Chất lượng cao	83.27
46	7380107_502	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)	84.11
47	7380107_502C	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) Chất lượng cao	83.30
48	7380107_502CA	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	79.07

KẾT QUẢ ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN Năm 2022

Phương thức 1b

Ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh giỏi nhất trường THPT năm 2022
(Theo quy định của ĐHQG-HCM)

STT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn
1	7310101_401	Kinh tế (<i>Kinh tế học</i>)	27.0
2	7310101_403	Kinh tế (<i>Kinh tế và Quản lý Công</i>)	27.1
3	7310106_402	Kinh tế quốc tế (<i>Kinh tế đối ngoại</i>)	28.3
4	7310106_402C	Kinh tế quốc tế (<i>Kinh tế đối ngoại</i>) Chất lượng cao	28.1
5	7310106_402CA	Kinh tế quốc tế (<i>Kinh tế đối ngoại</i>) Chất lượng cao bằng tiếng Anh	26.7
6	7310108_413	Toán kinh tế (<i>Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính</i>)	25.3
7	7340101_407	Quản trị kinh doanh	27.7
8	7340101_407C	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao	26.4
9	7340101_407CA	Quản trị kinh doanh Chất lượng cao bằng tiếng Anh	28.7
10	7340101_415	Quản trị kinh doanh (<i>Quản trị du lịch và lữ hành</i>)	27.2
11	7340115_410	Marketing	28.9
12	7340115_410C	Marketing Chất lượng cao	27.2
13	7340115_410CA	Marketing Chất lượng cao bằng tiếng Anh	26.7
14	7340120_408	Kinh doanh quốc tế	28.9
15	7340120_408C	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao	28.6
16	7340120_408CA	Kinh doanh quốc tế Chất lượng cao bằng tiếng Anh	28.1
17	7340122_411	Thương mại điện tử	28.2
18	7340122_411C	Thương mại điện tử Chất lượng cao	27.6
19	7340201_404	Tài chính - Ngân hàng	27.8
20	7340201_404CA	Tài chính - Ngân hàng Chất lượng cao bằng tiếng Anh	25.2
21	7340208_414	Công nghệ tài chính	26.5
22	7340301_405	Kế toán	27.0
23	7340301_405C	Kế toán Chất lượng cao	26.4
24	7340302_409	Kiểm toán	27.4
25	7340405_406	Hệ thống thông tin quản lý	27.3
26	7340405_406C	Hệ thống thông tin quản lý Chất lượng cao	27.0
27	7380101_503	Luật (<i>Luật dân sự</i>)	26.9
28	7380101_504	Luật (<i>Luật Tài chính - Ngân hàng</i>)	25.7
29	7380101_505	Luật (<i>Luật và Chính sách công</i>)	25.7
30	7380107_501	Luật kinh tế (<i>Luật kinh doanh</i>)	27.4
31	7380107_501C	Luật kinh tế (<i>Luật kinh doanh</i>) Chất lượng cao	28.2
32	7380107_502	Luật kinh tế (<i>Luật thương mại quốc tế</i>)	27.5
33	7380107_502C	Luật kinh tế (<i>Luật thương mại quốc tế</i>) Chất lượng cao	27.2